

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5144/QĐ-UBND

Bình Định, ngày 23 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án phát triển vật liệu xây dựng thời kỳ 2021 - 2030,
định hướng đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Bình Định**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 09/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 quy định chi tiết một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, định hướng đến năm 2050;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 348/TTr-SXD ngày 16/12/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt Đề án phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Bình Định thời kỳ 2021 - 2030, định hướng đến năm 2050 với các nội dung sau:

1. Quan điểm phát triển:

- Phát triển vật liệu xây dựng (VLXD) tỉnh Bình Định thời kỳ 2021 - 2030, định hướng đến năm 2050 phải phù hợp với Chiến lược phát triển VLXD Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, định hướng đến năm 2050; quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021 - 2030, định hướng đến năm 2050 và các quy hoạch khác có liên quan.

- Đầu tư phát triển VLXD trên địa bàn tỉnh theo nhu cầu của thị trường và các quy hoạch, đề án, kế hoạch được duyệt; Không đầu tư các dự án sản xuất VLXD ở các vùng ảnh hưởng đến hành lang bảo vệ công trình quốc phòng, an ninh, giao thông, thủy lợi, đê điều, năng lượng, khu di tích, lịch sử - văn hóa và khu vực bảo vệ công trình khác theo quy định của pháp luật.

- Tiếp cận và ứng dụng nhanh các thành tựu khoa học công nghệ trong sản xuất vật liệu xây dựng. Sử dụng tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính, bảo vệ tầng Ôzon; gắn sản xuất vật liệu xây dựng với tái chế, tái sử dụng các chất thải công nghiệp, nông nghiệp, xử lý rác thải và bảo vệ môi trường.

- Đẩy mạnh sản xuất các chủng loại VLXD có giá trị kinh tế cao; nâng cao năng lực cạnh tranh của các sản phẩm vật liệu xây dựng trên thị trường trong nước và quốc tế.

- Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, sản xuất VLXD; phát triển cơ khí chế tạo cho công nghiệp VLXD.

2. Mục tiêu phát triển:

a) Mục tiêu tổng quát

- Tập trung đầu tư và phát triển các sản phẩm VLXD có thế mạnh của tỉnh. Nghiên cứu phát triển sản xuất đa dạng các sản phẩm VLXD mới, có hiệu quả kinh tế cao. Đưa công nghệ tiên tiến hiện đại vào sản xuất VLXD để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường nội tỉnh, trong khu vực và xuất khẩu, góp phần vào tăng trưởng GRDP, nâng cao vị thế của ngành VLXD trong nền kinh tế.

- Phát triển vật liệu xây dựng đảm bảo nguồn vật liệu cho xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật, phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh, khu vực đồng thời kiểm soát chặt chẽ hoạt động xuất khẩu VLXD.

- Loại bỏ hoàn toàn công nghệ sản xuất VLXD lạc hậu, tiêu tốn nhiều tài nguyên, gây ô nhiễm môi trường.

b) Mục tiêu cụ thể

Xây dựng các mục tiêu cụ thể về đầu tư, khoa học công nghệ, khai thác sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường, chất lượng và chủng loại sản phẩm của từng loại VLXD cho mỗi giai đoạn nghiên cứu tại các Phụ lục kèm theo.

Việc triển khai thực hiện đối với các dự án, nội dung cụ thể phải phù hợp với các đề án, quy hoạch chuyên ngành về VLXD; phương án thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản đất, cát xây dựng, đất sét làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 2. Giải pháp thực hiện

1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách:

- Phổ biến rộng rãi Đề án phát triển vật liệu xây dựng của tỉnh cho các ngành, các cấp chính quyền, các doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị trong và ngoài tỉnh biết, hiểu rõ nội dung đề án và thực hiện.

- Ban hành lộ trình hạn chế, tiến tới dừng hoạt động các cơ sở sản xuất công nghệ lạc hậu, không hiệu quả kinh tế, gây ô nhiễm môi trường.

- Đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư có để phát triển công nghiệp thăm dò, khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường.

- Khuyến khích và tạo điều kiện về chính sách ưu đãi vốn, mặt bằng; đồng thời có các chính sách hỗ trợ đầu tư cho các tổ chức, cá nhân nghiên cứu phát triển, ứng dụng khoa học và công nghệ, đầu tư sản xuất VLXD tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường;

- Đổi mới, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật địa phương với sản xuất VLXD (nếu có).

2. Khai thác tài nguyên khoáng sản hiệu quả, tiết kiệm:

- Tăng cường công tác điều tra cơ bản đối với các chủng loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng.

- Thực hiện cấp phép đúng theo quy hoạch được duyệt, tuân thủ các nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường ở các cơ sở khai thác và chế biến khoáng sản theo đúng Luật Bảo vệ môi trường quy định.

- Thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản, gắn khai thác khoáng sản với chế biến khoáng sản phục vụ phát triển VLXD theo quy định.

- Thực hiện các quy định về thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường; đồng thời ký quỹ phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác chế biến và sử dụng khoáng sản theo quy định.

- Tổ chức thanh tra, kiểm tra theo định kỳ và đột xuất các cơ sở khai thác theo quy hoạch được duyệt và các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản.

- Hạn chế tiến đến không sử dụng đất canh tác nông nghiệp để khai thác đất sét sản xuất gạch nung.

- Hình thành các khu vực, bến bãi tập kết VLXD theo quy hoạch, cơ sở chuyên gia công, chế biến nguyên liệu đảm bảo cung cấp ổn định về chất lượng, số lượng cho các cơ sở sản xuất VLXD.

- Đối với hoạt động khai thác cát phải đảm bảo tuân thủ theo các quy định tại Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ bãi sông.

- Đối với các khoáng sản làm vật liệu xây dựng (đất san lấp, đá xây dựng, đá ốp lát) phải đảm bảo tuân thủ theo các quy chuẩn về an toàn trong hoạt động khai thác mỏ lộ thiên; hoạt động khai thác phải đảm bảo về các yếu tố môi trường, công nghệ sản xuất theo hướng tiên tiến, hiện đại.

- Sử dụng tro xỉ nhiệt điện, luyện thép làm nguồn nguyên liệu, nhiên liệu, thay thế cho một số nguyên liệu chính trong sản xuất VLXD như: Gạch đất sét nung, xi măng, cát, cốt liệu, bê tông,... làm vật liệu san lấp tạo thành nguồn cung cấp nguyên liệu ổn định, bền vững cho phát triển sản xuất VLXD tại địa phương.

3. Giải pháp về khoa học công nghệ:

- Đẩy mạnh việc vận động các doanh nghiệp nghiên cứu khoa học công nghệ, nâng cao chất lượng, tính năng sản phẩm, nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh với hàng nhập khẩu đồng thời mở rộng thị trường xuất khẩu.

- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ khai thác mỏ tiên tiến, an toàn, hiệu quả đối với các cơ sở được cấp phép mới nhằm giảm thiểu các yếu tố ảnh hưởng đến cảnh quan môi trường.

- Đối với các mỏ đã và đang tiến hành khai thác cần đánh giá lại trình độ công nghệ để có phương án đầu tư mới hoặc cải tạo nâng cao hiệu quả sản xuất và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

- Đẩy mạnh việc triển khai các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư sản xuất VLXD công nghệ cao, đặc biệt là VLXD từ phế thải công nghiệp và sinh hoạt...

- Nghiên cứu phát triển các loại VLXD phù hợp với công nghệ thi công xây dựng hiện đại, tăng năng suất lao động, giảm giá thành công trình.

- Khuyến khích doanh nghiệp tham gia hội nghị, hội thảo KHCN quốc tế, hợp tác nghiên cứu khoa học; tham gia các tổ chức về tiêu chuẩn, đo lường, các hiệp hội VLXD để học hỏi, trao đổi các tiến bộ KHCN trong sản xuất các VLXD mới.

- Liên kết với các Viện nghiên cứu, Trung tâm tư vấn chuyên ngành về VLXD để nghiên cứu ứng dụng các loại công nghệ sản xuất VLXD mới.

4. Giải pháp về nhân lực:

- Tiến hành đào tạo kiến thức lý thuyết, gắn với thực hành, đáp ứng yêu cầu, mục tiêu phát triển VLXD.

- Tập trung vào đào tạo đội ngũ công nhân kỹ thuật, đồng thời có kế hoạch đào tạo cho đội ngũ quản lý và các chủ doanh nghiệp hoạt động trên lĩnh vực VLXD các kiến thức về quản lý kinh tế, về sản xuất kinh doanh, hội nhập, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp chủ động trong cạnh tranh và hội nhập.

- Đa dạng hoá và mở rộng các hình thức hợp tác trong đào tạo nguồn nhân lực theo hướng gắn kết giữa cơ sở đào tạo với doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp hoạt động về VLXD, từng bước đào tạo theo yêu cầu thực tiễn.

5. Giải pháp về môi trường:

- Tăng cường phổ biến rộng rãi các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện giám sát công tác bảo vệ môi trường tại các cơ sở khai thác khoáng sản, chế biến nguyên vật liệu, các nhà máy sản xuất VLXD theo đúng quy định; tiến tới áp dụng các phương pháp giám sát hiện đại, tự động, kết nối trực tuyến với cơ quan chức năng quản lý môi trường.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện các cam kết trong đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường và an toàn lao động của các cơ sở khai thác nguyên liệu và sản xuất VLXD.

- Xử lý nghiêm các cơ sở sản xuất không thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

6. Giải pháp về nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về phát triển vật liệu xây dựng:

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khai thác khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng; triển khai kịp thời có hiệu quả các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý hoạt động khai thác khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng, nhất là lĩnh vực thăm dò, đầu tư xây dựng, khai thác và chế biến khoáng sản.

- Tăng cường công tác quản lý và công bố giá vật liệu xây dựng đặc biệt là các vật liệu được khai thác, sản xuất từ khoáng sản.

- Đánh giá đầy đủ trữ lượng, chất lượng các vị trí mỏ, giúp các nhà đầu tư lựa chọn phương án và giải pháp công nghệ phù hợp; sử dụng tài nguyên tiết kiệm, hiệu quả và bền vững; công bố rộng rãi danh mục tài nguyên các vị trí mỏ đã được dự kiến quy hoạch thăm dò để kêu gọi đầu tư.

- Tăng cường công tác thanh tra, giám sát công tác thăm dò, khai thác, chế biến đá làm vật liệu xây dựng thông thường. Phân công cụ thể chức năng quản lý hoạt động khoáng sản đối với các cấp chính quyền, các ban ngành có liên quan trong lĩnh vực khai thác khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan công bố và triển khai thực hiện Đề án đảm bảo phát huy hiệu quả và đúng các quy định hiện hành. Định kỳ hàng năm rà soát, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh về tình hình thực hiện; kịp thời xem xét; giải quyết các vấn đề phát sinh, vướng mắc (nếu có); trường hợp vượt thẩm quyền tham mưu đề xuất, báo cáo UBND tỉnh để xem xét; giải quyết.

2. Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Công Thương, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan có liên quan theo chức năng nhiệm vụ chủ động phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức triển khai thực hiện Đề án.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tự Công Hoàng

PHỤ LỤC I: XI MĂNG
(Kèm theo Quyết định số: 5144/QĐ-UBND
ngày 23/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Giai đoạn từ nay đến năm 2030: Tổng nhu cầu xi măng trên địa bàn tỉnh được dự báo khoảng 17.600 - 17.700 nghìn tấn trong đó tổng nhu cầu của giai đoạn 2021 - 2025 khoảng 7.500 - 7.600 nghìn tấn và giai đoạn 2026 - 2030 khoảng 10.000 - 10.100 nghìn tấn. Định hướng đầu tư cho giai đoạn từ nay đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh như sau:

✓ *Giai đoạn 2021 - 2030*

* *Về đầu tư:*

+ Khuyến khích nhà máy thay đổi công nghệ, thiết bị để nâng công suất của trạm nghiền lên 400.000 - 500.000 tấn/năm nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trên địa bàn tỉnh.

+ Thực hiện di dời nhà máy theo đúng lộ trình và quy định của pháp luật.

+ Bình Định có cảng Quy Nhơn là cảng trọng điểm của khu vực miền Trung, tây Nguyên, do vậy trong thời gian tới, khuyến khích đầu tư các trạm tiếp nhận, đóng bao và phân phối xi măng nhằm phục vụ cho nhu cầu khu vực miền Trung và Tây Nguyên.

* *Về công nghệ sản xuất:*

+ Trong giai đoạn tới nhà máy cần tiếp tục đầu tư công nghệ và môi trường để giảm năng lượng nghiền, giảm phát thải bụi và tiếng ồn nâng cao năng suất và chất lượng trạm nghiền hiện có để cung ứng xi măng trên địa bàn tỉnh cũng như một phần cho các tỉnh vùng Tây Nguyên.

+ Khuyến khích các trạm nghiền sử dụng phế thải công nghiệp làm phụ gia khoáng cho xi măng.

* *Về chủng loại và chất lượng sản phẩm:* Đa dạng hóa chủng loại xi măng nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng của xã hội.

* *Về bảo vệ môi trường trong sản xuất*

Cải tiến công nghệ để đáp ứng các tiêu chuẩn về môi trường; phải có thiết bị giám sát nồng độ bụi, khí thải tại nguồn thải và kết nối trực tuyến các thiết bị này với bộ phận theo dõi môi trường tại địa phương.

✓ *Định hướng đến năm 2050*

- Duy trì và phát huy tối công suất tại cơ sở sản xuất trên địa bàn tỉnh.

- Nghiên cứu sản xuất đa dạng hóa các loại xi măng như: Xi măng bền sunfat,

xi măng mác cao.

- Khuyến khích nhà máy kết hợp sản xuất xi măng với các sản phẩm VLXD chất lượng cao như Vữa khô trộn sẵn.

PHỤ LỤC II: GẠCH ĐẤT SÉT NUNG
(Kèm theo Quyết định số: 5144/QĐ-UBND
ngày 23/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Mục tiêu cụ thể cho từng giai đoạn

✓ *Giai đoạn 2021 - 2030*

* *Về đầu tư:* Tỷ lệ gạch đất sét nung trên địa bàn tỉnh đến năm 2030 chiếm 50 – 60% trong tổng sản lượng vật liệu xây.

- Duy trì sản xuất và nâng cao chất lượng sản phẩm của các cơ sở sản xuất đối với các cơ sở sản xuất gắn với vùng nguyên liệu.

- Tiếp tục đầu tư mới các cơ sở sản xuất gạch đất sét nung với công nghệ phù hợp;

- Khuyến khích các cơ sở sản xuất gạch đất sét nung chuyển đổi công nghệ sản xuất từ lạc hậu sang công nghệ tiên tiến hiện đại, giảm thiểu ô nhiễm môi trường trên cơ sở có đủ điều kiện mặt bằng sản xuất và gắn với vùng nguyên liệu ổn định.

- 100% các cơ sở sản xuất gạch đất sét nung bằng công nghệ lò thủ công thực hiện chuyển đổi công nghệ hoặc chuyển đổi mục đích đầu tư thành các cơ sở có công nghệ tiên tiến, có mức độ cơ giới hóa, tự động hóa cao, nhằm tiết kiệm nguyên liệu, nhiên liệu, năng lượng đáp ứng các chỉ tiêu về công nghệ và môi trường hoặc buộc phải dừng sản xuất theo quy định.

* *Về công nghệ sản xuất:*

- Tăng cường áp dụng khoa học, kỹ thuật, cải tiến công nghệ, cơ giới hóa để nâng cao chất lượng sản phẩm. Có trên 20% doanh nghiệp ứng dụng tự động hóa vào trong dây chuyền sản xuất.

- 100% các cơ sở sản xuất gạch đất sét nung xây dựng cam kết cải tiến tối thiểu 30% các công đoạn sản xuất của công nghệ hiện tại nhằm giảm tiêu hao nguyên, nhiên liệu, tiết kiệm tài nguyên.

- Các chỉ tiêu tiêu hao nguyên, nhiên liệu phải đáp ứng:

+ Tiêu hao nhiệt năng $\leq 360\text{kcal/kg}$ sản phẩm;

+ Tiêu hao điện năng $\leq 0,022\text{ kWh/kg}$ sản phẩm

- Tiết kiệm tối đa sử dụng tài nguyên thiên nhiên. 100% các cơ sở sản xuất gạch đất sét nung phải sử dụng phế thải công, nông nghiệp thay thế nguyên, nhiên liệu tự nhiên để đảm bảo bình quân toàn ngành sử dụng tối đa các nguồn phế thải các ngành công nghiệp khác để thay thế 50% nguyên, nhiên liệu thiên nhiên trong sản xuất gạch

đất sét nung.

** Về khai thác và sử dụng tài nguyên:*

Khai thác hiệu quả nguồn đất sét tự nhiên và đất đồi (đất san lấp mặt bằng) để sản xuất sản phẩm gạch đất sét nung có giá trị gia tăng cao; 50% các cơ sở sản xuất gạch có vùng nguyên liệu (được cấp phép trong hoặc ngoài tỉnh);

Đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng các chất thải (tro xỉ, nhiệt điện...) làm nguyên liệu, nhiên liệu để thay thế nguồn nguyên liệu truyền thống.

** Về bảo vệ môi trường*

100% các cơ sở sản xuất gạch đất sét nung có CSTK > 10 triệu viên/năm phải xây dựng hệ thống xử lý chất thải đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về bảo vệ môi trường; phải có trạm quan trắc khí thải tự động, kết nối trực tuyến với các cơ quan quản lý môi trường của địa phương.

** Về chủng loại và chất lượng sản phẩm:*

Tăng cường sản xuất các sản phẩm gạch đất sét nung rỗng, mỏng, nhẹ, gạch trang trí, gạch kích thước lớn, gạch không trát... Chất lượng các sản phẩm phải đáp ứng các yêu cầu của quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành đối với từng mục đích sử dụng, phục vụ nhu cầu xây dựng hoặc xuất khẩu.

✓ Định hướng đến năm 2050

- Tỷ lệ gạch đất sét nung chiếm nhỏ hơn 50% trong tổng sản lượng vật liệu xây trên địa bàn tỉnh. Tỷ lệ sản phẩm gạch nung trang trí, mỏng, rỗng ... giá trị gia tăng cao chiếm 80%.

- Giảm mức tiêu hao nhiệt, mức phát thải CO₂ từ 20% đến 30% so với mức trung bình hiện nay.

- 100% các cơ sở sản xuất gạch đất sét nung phải xây dựng hệ thống xử lý chất thải đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về bảo vệ môi trường; phải có trạm quan trắc khí thải tự động, kết nối trực tuyến với các cơ quan quản lý môi trường của địa phương.

PHỤ LỤC III: GẠCH KHÔNG NUNG
*((Kèm theo Quyết định số: 5144/QĐ-UBND
ngày 23/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh))*

Mục tiêu cụ thể cho từng giai đoạn

✓ *Giai đoạn 2021 - 2030*

** Về đầu tư:*

- Phát triển đầu tư sản xuất vật liệu xây không nung thay thế gạch đất sét nung đạt tỷ lệ lớn hơn 30% về sản lượng sản xuất vào năm 2025; lớn hơn 40% vào năm 2030; đảm bảo tỷ lệ sử dụng vật liệu xây không nung trong các công trình xây dựng theo quy định.

- Đầu tư sản xuất các loại VLXKN có kích thước lớn, các sản phẩm sử dụng nguyên liệu là chất thải công nghiệp (tro, xỉ nhiệt điện, xỉ luyện kim...); các sản phẩm nhẹ; các sản phẩm đáp ứng các yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngành xây dựng.

- Khuyến khích đầu tư mới các cơ sở sản xuất gạch không nung với công suất tối thiểu 10tr viên/năm/1 cơ sở, công nghệ hiện đại để đáp ứng được nhu cầu trên địa bàn tỉnh cũng như cung cấp một phần cho thị trường các tỉnh khu vực miền Trung Tây Nguyên.

- Khuyến khích các cơ sở đầu tư mới đầu tư xây dựng tại các cơ sở đầu tư mới phải nằm trong các khu, CCN hoặc CCN trên địa bàn tỉnh nhằm hình thành mạng lưới cung ứng hợp lý cho nhu cầu tiêu thụ trên địa bàn tỉnh và hạn chế ô nhiễm môi trường.

** Về công nghệ sản xuất, nguyên liệu:*

- Các cơ sở đang hoạt động phải cải tiến các công đoạn sản xuất nhằm nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm như: Xây dựng hệ thống phễu cấp liệu, băng tải liệu, cân định lượng, bộ phận cài đặt phối liệu; hệ thống tự động chuyển palet và tự động chuyển gạch...

- Các dây chuyền đầu tư mới phải sử dụng dây chuyền thiết bị tiên tiến, hiện đại cơ giới hóa, tự động hóa từ công đoạn cấp liệu, định lượng, phối trộn và ép sản phẩm.

- Phân đầu hơn 50% nhà máy ứng dụng tự động hóa trong dây chuyền sản xuất.

** Về khai thác và sử dụng tài nguyên:*

- Sử dụng tối đa các loại chất thải của các ngành công nghiệp (tro, xỉ nhiệt điện;

xi luyện thép...) làm nguyên liệu để sản xuất VLXKN, tiết kiệm tài nguyên khoáng sản.

** Về bảo vệ môi trường*

Các cơ sở sản xuất có hệ thống xử lý chất thải đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về bảo vệ môi trường.

** Về chủng loại và chất lượng sản phẩm:*

Đa dạng hóa các sản phẩm gạch không nung kích thước lớn, cầu kiện, tấm tường, vật liệu nhẹ nhằm giảm thời gian thi công, hạ giá thành xây dựng, giảm thiểu phát thải trong quá trình xây dựng. Chất lượng các sản phẩm phải đáp ứng các yêu cầu của quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành đối với từng mục đích sử dụng, phục vụ nhu cầu xây dựng hoặc xuất khẩu.

✓ Định hướng đến năm 2050

- Tỷ lệ VLXKN chiếm khoảng > 50% trong tổng sản lượng vật liệu xây.
- Sử dụng tối đa lượng chất thải công nghiệp (tro, xỉ than, xỉ luyện kim,...) để sản xuất VLXKN.
- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động sản xuất gạch không nung, ưu tiên đầu tư mới các cơ sở sản xuất có công nghệ hiện đại, tăng công suất, đáp ứng được các tiêu chí về vật liệu thân thiện môi trường. Khuyến khích các cơ sở đã có trên địa bàn tỉnh cải tiến công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm và phát huy tối năng lực sản xuất để đáp ứng nhu cầu nội tỉnh và cung cấp cho các tỉnh thành lân cận.

PHỤ LỤC IV: VẬT LIỆU LỢP
(Kèm theo Quyết định số: 5144/QĐ-UBND
ngày 23/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Mục tiêu cụ thể cho từng giai đoạn

✓ *Giai đoạn 2021 - 2030*

** Về đầu tư:*

- Tiếp tục đầu tư phát triển các loại ngôi nung, ngôi trang trí chất lượng cao có giá trị kinh tế, ngôi cổ phục vụ cho xây dựng trong dân cư và các công trình như biệt thự, khách sạn cao cấp, khu du lịch và trùng tu di tích lịch sử, văn hoá...

- Phát triển sản xuất đa dạng các sản phẩm tấm lợp kim loại, tônmat, tấm lợp composite, tấm lợp polycarbonate, tấm lợp polycarbonate - hợp kim nhôm, tấm lợp từ sợi hữu cơ và bitum, tấm lợp acrylic có phủ các hạt đá tự nhiên...

- Tiếp tục khuyến khích đầu tư phát triển sản xuất các loại ngôi không nung có chất lượng cao, màu sắc đa dạng dùng để trang trí, các loại ngôi giả cổ phục vụ công trình đặc biệt. Phát triển sản xuất các loại tấm lợp thông minh, tấm lợp sinh thái, tấm lợp nhựa cao cấp lấy ánh sáng tự nhiên.

- Kêu gọi đầu tư các cơ sở sản xuất tấm lợp nhựa composite nhằm phục vụ nhu cầu xây dựng trong tỉnh và trong khu vực, đặc biệt cho khu vực ven biển.

** Về công nghệ:*

- Đối với các cơ sở sản xuất ngôi nung: Nghiên cứu tăng tỷ lệ ngôi nung trong sản xuất.

- Sử dụng công nghệ tiên tiến với mức độ tự động hoá cao, tiết kiệm tối đa nguyên liệu, nhiên liệu và năng lượng, sử dụng chất thải làm nguyên, nhiên liệu thay thế nhằm tiết kiệm tài nguyên, giảm ô nhiễm môi trường.

- Khuyến khích ứng dụng công nghệ mới trong sản xuất tấm lợp để sử dụng sợi an toàn với sức khỏe con người, thân thiện môi trường, phù hợp với nhiều dạng thời tiết khí hậu và công trình xây dựng đặc thù.

** Về bảo vệ môi trường*

- Các cơ sở sản xuất có hệ thống xử lý chất thải đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về bảo vệ môi trường.

- 100% các doanh nghiệp áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng (ISO 9001) và môi trường (ISO 14001).

- 70% các doanh nghiệp áp dụng các hệ thống quản lý về sức khỏe & an toàn nghề nghiệp (ISO 45001); năng lượng (ISO 50001).

** Về chủng loại và chất lượng sản phẩm:*

- Phát triển đa dạng hóa các chủng loại và mẫu mã sản phẩm, nhất là các sản phẩm vật liệu lọc thông minh, tiết kiệm năng lượng; Chất lượng các sản phẩm phải đáp ứng các yêu cầu của quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành đối với từng mục đích sử dụng, phục vụ nhu cầu xây dựng hoặc xuất khẩu.

✓ Định hướng đến năm 2050

+ Công nghệ sản xuất có mức độ tự động hoá cao, tinh tập trung sản xuất tấm lọc kim loại và các loại ngói không nung, ngói màu chất lượng cao phục vụ nhu cầu trong tỉnh và các tỉnh lân cận.

+ 100% các doanh nghiệp áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng (ISO 9001); môi trường (ISO 14001); sức khỏe & an toàn nghề nghiệp (ISO 45001) và năng lượng (ISO 50001).

PHỤ LỤC V: ĐÁ XÂY DỰNG
(Kèm theo Quyết định số: 5144/QĐ-UBND
ngày 23/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Mục tiêu cụ thể cho từng giai đoạn

✓ *Giai đoạn 2021 - 2030*

* *Về đầu tư*

- Duy trì sản xuất các cơ sở khai thác, chế biến đá xây dựng trên địa bàn tỉnh để cung ứng cho nhu cầu đá xây dựng của tỉnh; đảm bảo việc khai thác, chế biến giảm thiểu ảnh hưởng đến cảnh quan môi trường theo các chủ trương, chỉ đạo của Tỉnh ủy và UBND tỉnh.

- Thăm dò, đánh giá trữ lượng, chất lượng các mỏ, điểm mỏ đá có tiềm năng để khai thác, chế biến đá xây dựng để cân đối cấp phép trong thời gian tới đáp ứng nhu cầu xây dựng tại địa phương.

- Ưu tiên đầu tư mới các dự án sản xuất đá xây dựng trên địa bàn tỉnh ở các vùng có tiềm năng lớn, có điều kiện thuận lợi về nguyên liệu, phát triển công nghiệp, hạ tầng giao thông, gần thị trường tiêu thụ; các dự án đầu tư mở rộng sản xuất; các dự án công suất lớn sử dụng công nghệ hiện đại.

- Kết hợp khai thác, sản xuất đá xây dựng với sản xuất cát nghiền nhân tạo.

- Khuyến khích các cơ sở khai thác, sản xuất đá làm vật liệu xây dựng thông thường phối hợp đầu tư hoặc liên kết với cơ sở sản xuất cát nghiền, gạch không nung, vữa khô trộn sẵn nhằm tận dụng nguyên liệu, giảm ô nhiễm môi trường...

- Không đầu tư các dự án sản xuất đá xây dựng ở chân sườn đồi, núi, dọc theo các tuyến đường quốc lộ, các khu vực có ảnh hưởng đến cảnh quan thiên nhiên, các di sản văn hoá, phát triển du lịch, an ninh, quốc phòng.

* *Về công nghệ, công suất*

- Đối với các cơ sở đầu tư mới: Sử dụng dây chuyền công nghệ sản xuất phải hiện đại, tiên tiến, đồng bộ. Khuyến khích áp dụng các giải pháp công nghệ như: Mở vĩa bằng đường hào vận tải ô tô và áp dụng hệ thống khai thác khấu theo lớp bằng vận tải; Nổ bãi mìn lớn áp dụng phương pháp nổ mìn vi sai điện hoặc vi sai phi điện....

- Đối với các cơ sở đang hoạt động: Đầu tư chiều sâu, cải tiến công nghệ khai thác đá xây dựng ở tất cả các cơ sở sản xuất hiện có, nhằm giảm tiêu hao nguyên liệu, nhiên liệu, nâng cao chất lượng sản phẩm và bảo vệ môi trường

- Nâng cao tỷ lệ nội địa hóa trong chế tạo các thiết bị, phụ tùng thay thế trong dây chuyền công nghệ khai thác và chế biến đá xây dựng.

** Về khai thác và sử dụng tài nguyên:*

- Hoạt động khai thác, chế biến đá xây dựng theo các giấy phép được cấp và tuân thủ các quy định pháp luật.

- Sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, nhiên liệu và năng lượng; sử dụng các loại phế thải công nghiệp, xây dựng, giao thông thay thế một phần đá xây dựng trong quá trình sử dụng.

** Về môi trường:*

- Các cơ sở sản xuất đá xây dựng đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về bảo vệ môi trường; phải tiến hành cải tạo phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật trong khai thác, chế biến khoáng sản.

- Các cơ sở khai thác đá xây dựng phải lắp đặt hệ thống quản lý sản lượng mỏ, hệ thống thiết bị quan trắc tự động bụi xung quanh diện phát thải và kết nối trực tuyến với cơ quan quản lý môi trường tại địa phương theo quy định của pháp luật về khoáng sản và môi trường.

- Các cơ sở sản xuất phải có phải có trạm quan trắc khí thải, nước thải tự động, kết nối trực tuyến với các cơ quan quản lý môi trường của địa phương.

** Về chủng loại và chất lượng sản phẩm:* Tăng cường sản xuất các sản phẩm đá xây dựng bảo đảm các yêu cầu của quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành đối với từng mục đích sử dụng, phục vụ nhu cầu xây dựng.

- Tăng cường sử dụng, tận dụng, tái sử dụng phế thải công nghiệp, xây dựng, giao thông làm cốt liệu thay thế một phần đá xây dựng tự nhiên.

✓ *Định hướng đến năm 2050*

- Phát triển ngành đá xây dựng bảo đảm nhu cầu tiêu thụ nội tỉnh.

- Khuyến khích phát triển các tổ hợp, các liên minh sản xuất đá xây dựng tập trung có công suất lớn, công nghệ hiện đại, tiên tiến, đồng bộ có mức độ cơ giới hoá cao và ứng dụng tối đa tự động hoá vào sản xuất.

- Khuyến khích đầu tư các dây chuyền khai thác, chế biến đá xây dựng công suất lớn, hiện đại nhằm nâng cao sản lượng, chất lượng sản phẩm, bảo vệ môi trường; phối hợp sản xuất đá xây dựng và cát nghiền; liên kết với các dây chuyền sản xuất bê tông, gạch không nung và các vật liệu xây dựng khác.

- Các cơ sở khai thác, chế biến đá xây dựng phải có hệ thống quản lý sản lượng mỏ, quan trắc môi trường tự động.

- Tăng cường sử dụng, tận dụng, tái sử dụng phụ phẩm thải bỏ trong công nghiệp, xây dựng, giao thông làm cốt liệu thay thế một phần sản phẩm đá xây dựng tự nhiên.

PHỤ LỤC VI: CÁT XÂY DỰNG
(Kèm theo Quyết định số: 5144/QĐ-UBND
ngày 23/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Mục tiêu cụ thể cho từng giai đoạn

✓ *Giai đoạn 2021 - 2030*

* *Về đầu tư:*

+ Phát triển sản xuất cát xây dựng phải đảm bảo tính bền vững, góp phần phát triển kinh tế xã hội, trên cơ sở sử dụng hợp lý, hiệu quả nguồn tài nguyên khoáng sản, bảo vệ di tích lịch sử văn hóa và cảnh quan môi trường.

+ Duy trì công suất khai thác của một số mỏ cát xây dựng trên địa bàn tỉnh theo các giấy phép được cấp và có lộ trình kết thúc khai thác, đóng cửa mỏ khi giấy phép hết hạn để bảo vệ môi trường.

+ Phát triển cát xây dựng đáp ứng đủ nhu cầu xây dựng trong tỉnh.

+ Khuyến khích đầu tư nghiên cứu, chuyển giao công nghệ sản xuất cát nghiền từ đá cát kết tại các bãi thải mỏ.

+ Khuyến khích đầu tư nghiên cứu, chuyển giao công nghệ sản xuất các dây chuyền chế biến cát nghiền, cát biển, cát vùng nước mặn, cát nước lợ, cát mịn thành cát đủ tiêu chuẩn sử dụng cho bê tông và vữa.

+ Tiếp tục đầu tư cấp phép thăm dò để tiến hành cấp phép khai thác khi các mỏ đã được cấp phép hết trữ lượng khai thác.

+ Đầu tư các cơ sở sản xuất cát nghiền tại các khu vực có nguồn nguyên liệu để thay thế một phần cát tự nhiên trong xây dựng. Công suất tối thiểu của 1 cơ sở sản xuất cát nhân tạo không nhỏ hơn 50.000 m³/năm.

+ Khuyến khích các doanh nghiệp sản xuất cát nghiền nhân tạo đầu tư dây chuyền sản xuất vữa khô xây, trát đóng bao, cung cấp cho thị trường xây dựng trong tỉnh để tăng tốc độ, giảm chi phí xây dựng, bảo vệ môi trường xung quanh công trình xây dựng.

+ Phân đấu đến năm 2030 sản lượng cát nhân tạo chiếm 30%, đến năm 2050 chiếm > 50% tổng sản lượng cát trên địa bàn tỉnh.

* *Về công nghệ:*

+ Đối với khai thác, chế biến cát tự nhiên: Cần có hệ thống xử lý để giảm hàm lượng bùn, bụi, sét trong những loại cát có lẫn nhiều sét; phế thải sinh ra trong quá

trình xử lý phải được thu gom, tồn chứa đúng kỹ thuật hoặc tái sử dụng; phải có bãi chứa đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

+ Đối với khai thác, chế biến cát nghiền: Dây chuyền công nghệ sản xuất cát nghiền phải tiên tiến, đồng bộ, bao gồm các thiết bị gia công, sàng, vận chuyển và các thiết bị xử lý môi trường.

** Về khai thác và sử dụng tài nguyên:*

+ Sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, nhiên liệu và năng lượng; sử dụng các loại phế thải công nghiệp, xây dựng để sản xuất cát xây dựng;

** Về môi trường:*

+ Đối với các cơ sở khai thác, chế biến cát tự nhiên: Phải đảm bảo khai thác đúng những vị trí được các cơ quan quản lý cho phép, không gây ảnh hưởng đến môi trường sinh thái, dòng chảy và không gây sạt lở bờ các dòng sông. Phải xử lý nước thải rửa cát trước khi thải vào môi trường, đảm bảo nồng độ phát tán bụi theo yêu cầu của các tiêu chuẩn tại bãi chứa khi bảo quản và vận chuyển.

+ Đối với các cơ sở khai thác, chế biến cát nghiền: Đảm bảo các yêu cầu về môi trường khu sản xuất và giảm thiểu gây ô nhiễm ra các vùng xung quanh theo quy định của các tiêu chuẩn về môi trường, y tế. Đảm bảo sử dụng hiệu quả tài nguyên, thực hiện hoàn nguyên mỏ theo yêu cầu.

** Về chủng loại và chất lượng sản phẩm:*

+ Tăng cường phát triển các sản phẩm cát nhân tạo đáp ứng nhu cầu sử dụng; phấn đấu đạt mục tiêu sử dụng cát nghiền, cát tái chế từ phế thải công nghiệp và xây dựng để thay thế tối thiểu 30 -50% lượng dùng cát thiên nhiên trong xây dựng; Chất lượng các sản phẩm phải đáp ứng các yêu cầu của quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành đối với từng mục đích sử dụng, phục vụ nhu cầu xây dựng hoặc xuất khẩu.

+ Đẩy mạnh việc sản xuất sử dụng cát nước lợ, cát mịn, cát biển đi kèm với các giải pháp kỹ thuật, phấn đấu đạt mục tiêu sử dụng thay thế cho 10% lượng dùng cát thiên nhiên trong xây dựng.

✓ *Định hướng đến năm 2050*

Hạn chế tối đa sử dụng cát tự nhiên trong xây dựng; nâng cao sử dụng cát nhân tạo (cát nghiền từ đá), cát tái chế từ rác thải công nghiệp và xây dựng, cát nước lợ lên tối thiểu 60% tổng lượng cát dùng trong xây dựng trên địa bàn tỉnh.

PHỤ LỤC VII:
KHAI THÁC, CHẾ BIẾN ĐÁ ỚP LÁT
(*Kèm theo Quyết định số: 5144/QĐ-UBND*
ngày 23/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Mục tiêu cụ thể cho từng giai đoạn

✓ *Giai đoạn 2021 - 2030*

* *Về đầu tư:*

Đá ốp lát tự nhiên:

- Chỉ đầu tư các dự án sản xuất đá ốp lát áp dụng công nghệ hiện đại tại các khu vực sau khi đã đánh giá đầy đủ quy mô, chất lượng, trữ lượng mỏ khoáng sản, hiệu quả kinh tế, đáp ứng đầy đủ các chỉ tiêu về công nghệ và môi trường.

- Quy mô công suất của một cơ sở sản xuất đá ốp lát phù hợp với trữ lượng khoáng sản khả khai được phê duyệt.

- Khuyến khích các cơ sở, tăng cường đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ, đa dạng hóa mẫu mã, nâng cao sản lượng, chất lượng sản phẩm, tiết kiệm nguyên liệu, nhiên liệu, đáp ứng đầy đủ các chỉ tiêu về công nghệ và môi trường.

Đá ốp lát nhân tạo và các sản phẩm đi kèm:

- Kêu gọi đầu tư xây dựng 01 nhà máy sản xuất đá ốp lát nhân tạo cao cấp bao gồm các sản phẩm terastone và brettonstone trong các khu/CCN trên địa bàn tỉnh, nhằm đáp ứng nhu cầu trong tỉnh và xuất khẩu, công suất dự kiến của nhà máy không nhỏ hơn 700.000 m²/năm.

* *Về công nghệ:*

- Sản xuất đá ốp lát với công nghệ tiên tiến, hiện đại, sử dụng công nghệ khoan, nê-m tách, cắt dây kim cương và cưa đĩa trong khai thác đá, hạn chế tối đa nổ mìn; áp dụng các giải pháp sử dụng công nghệ thông tin vào quản lý và sản xuất; tiêu hao điện ≤ 0,6 kWh/m² sản phẩm; Chỉ tiêu phát thải bụi không lớn hơn 30 mg/Nm³; hàm lượng các chất vô cơ không lớn hơn 100 mg/Nm³.

- Đá ốp lát nhân tạo: Sử dụng công nghệ tiên tiến, tự động hóa, ứng dụng tối đa công nghệ thông tin. (Công nghệ cụ thể đã được giới thiệu tại mục 4.4. Chương III của báo cáo)

* *Về khai thác và sử dụng tài nguyên:*

- Đá ốp lát tự nhiên: Phát triển hình thành các vùng sản xuất tập trung đá ốp lát tự nhiên có công suất lớn, chuyên môn hóa từ khâu khai thác đến gia công chế biến sản phẩm.

- Đá ốp lát nhân tạo: Khuyến khích, phát triển đầu tư các cơ sở sản xuất đá nhân tạo; các cơ sở chế biến nguyên liệu để phục vụ sản xuất đá nhân tạo trên địa bàn tỉnh, đẩy mạnh công tác nghiên cứu sản xuất chất kết dính, phụ gia thay thế nguyên liệu nhập khẩu trong hoạt động sản xuất đá nhân tạo; tận thu phế thải từ khai thác chế biến đá ốp lát tự nhiên để làm nguyên liệu sản xuất.

** Về bảo vệ môi trường:*

- 100% các cơ sở sản xuất phải có hệ thống xử lý các chất thải đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về bảo vệ môi trường.

- Các cơ sở sản xuất đá ốp lát tự nhiên phải có hệ thống thiết bị quan trắc nước thải, nồng độ bụi.

** Về chủng loại và chất lượng sản phẩm:*

- Sản xuất đa dạng các chủng loại, mẫu mã các sản phẩm; tận dụng tối đa tài nguyên khoáng sản.

- Chú trọng phát triển các sản phẩm có giá trị kinh tế cao để phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu.

- Chất lượng các sản phẩm phải đáp ứng theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn của nhà Việt Nam hoặc Quốc tế tại thời điểm công bố sản phẩm.

✓ Định hướng đến năm 2050

- Đầu tư phát triển sản xuất các loại đá ốp lát nhân tạo có tính năng và thẩm mỹ vượt trội, đa dạng về mẫu mã thay thế các sản phẩm vật liệu xây dựng truyền thống, kịp thời đáp ứng được nhu cầu sử dụng các sản phẩm vật liệu xây dựng cao cấp để phục vụ xây dựng công trình trong thời gian tới.

- Đầu tư chiều sâu về công nghệ sản xuất, áp dụng triệt để công nghệ thông tin vào công tác quản lý, sản xuất và kinh doanh.

PHỤ LỤC VIII: GẠCH GÓM ỐP LÁT
(Kèm theo Quyết định số: 5144/QĐ-UBND
ngày 23/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Mục tiêu cụ thể cho từng giai đoạn

✓ *Giai đoạn 2021 - 2030*

* *Về đầu tư:*

+ Không khuyến khích đầu tư thêm các dự án mới; tạo điều kiện hỗ trợ để các nhà máy hiện có hoạt động với công suất tối đa và đầu tư cải tạo nâng công suất, thay đổi công nghệ, đảm bảo vệ sinh môi trường.

+ Đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ, đa dạng hóa mẫu mã, chủng loại sản phẩm, để nâng tính cạnh tranh sản phẩm trên thị trường trong nước và hướng đến thị trường xuất khẩu.

* *Về công nghệ:*

+ Sản xuất vật liệu ốp lát với công nghệ tiên tiến, hiện đại, nhằm giảm mức tiêu hao nguyên, nhiên liệu và năng lượng, áp dụng các giải pháp sử dụng công nghệ thông tin vào quản lý và sản xuất;

+ Từng bước giảm dần, tiến đến thay thế hoàn toàn nhiên liệu sản xuất từ khí than sang các loại nhiên liệu sạch như khí Gas, khí đồng hành nhằm giảm phát thải khí CO₂ ra môi trường.

- Các chỉ tiêu tiêu hao nằm trong định mức sau:

Nhiên liệu: Tiêu hao nhiên liệu cho 1 kg sản phẩm:

+ Gạch ceramic : ≤ 1.100 kcal/kg sản phẩm

Tiêu hao điện cho 1 kg sản phẩm:

+ Gạch ceramic : $\leq 0,12$ kWh/kg sản phẩm

* *Về môi trường:*

+ Yêu cầu mức phát thải bụi không lớn hơn 30 mg/Nm³; hàm lượng khí CO, SO₂, Nox không lớn hơn 100 mg/Nm³.

+ 100% các cơ sở sản xuất đáp ứng các quy, tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường.

+ Các cơ sở sản xuất phải có phải có trạm quan trắc khí thải, nước thải tự động, kết nối trực tuyến với các cơ quan quản lý môi trường của địa phương.

* *Về chủng loại và chất lượng sản phẩm*: Đầu tư sản xuất các loại sản phẩm mỏng, kích thước lớn, đa dạng về chủng loại, mẫu mã; các sản phẩm có khả năng chống mài mòn cao, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Phát triển sản xuất vật liệu ốp lát có tính năng đặc biệt, bền màu, chống bám bẩn, ngăn ngừa sự phát triển của rêu mốc. Chất lượng các sản phẩm phải đáp ứng theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn của nhà Việt Nam hoặc Quốc tế tại thời điểm công bố sản phẩm.

✓ *Định hướng đến năm 2050*

+ Đầu tư chiều sâu về công nghệ sản xuất, áp dụng triệt để công nghệ thông tin vào công tác quản lý, sản xuất và kinh doanh.

+ Phát triển lĩnh vực cơ khí chế tạo máy móc, thiết bị, phụ tùng thay thế cho ngành sản xuất vật liệu xây dựng; chủ động trong sản xuất, giảm phụ thuộc vào vật tư phụ tùng nhập khẩu.

PHỤ LỤC IX:
KÍNH XÂY DỰNG VÀ CÁC SẢN PHẨM SAU KÍNH
(Kèm theo Quyết định số: 5144/QĐ-UBND
ngày 23/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Mục tiêu cụ thể cho từng giai đoạn

✓ *Giai đoạn 2021 – 2030*

* *Về đầu tư:*

- Khuyến khích đầu tư phát triển sản xuất các sản phẩm gia công sau kính như: Kính an toàn, kính hộp, kính nhiều lớp, kính tiết kiệm năng lượng, kính trang trí, kính bảo vệ sức khỏe thân thiện môi trường.

* *Về công nghệ:*

- Sản xuất kính an toàn bằng công nghệ sản xuất tiên tiến, hiện đại như: công nghệ dôi lưu nhiệt tiên tiến trong sản xuất kính tôi nhiệt; kính dán an toàn nhiều lớp được sản xuất trên dây chuyền tự động nạp và dán kính; kính hộp cách âm cách nhiệt sản xuất trên dây chuyền tự động bơm khí và bôi keo.

* *Về bảo vệ môi trường*

- Nhà máy phải được đầu tư đồng bộ về công nghệ, xây dựng hệ thống thu gom, phương án xử lý chất thải theo đúng quy định, bảo vệ môi trường.

* *Về chủng loại và chất lượng sản phẩm*

- Tập trung đầu tư, sản xuất các sản phẩm sau kính đang có nhu cầu cao tại thị trường nội tỉnh và các tỉnh thành lân cận trong khu vực cũng như có lợi thế về thị trường xuất khẩu.

- Chất lượng các sản phẩm phải đáp ứng theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn của nhà Việt Nam hoặc Quốc tế tại thời điểm công bố sản phẩm.

✓ *Định hướng đến năm 2050*

- Khuyến khích các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh mở rộng thị trường các sản phẩm sau kính ra một số nước trong khu vực trên thế giới.

- Tiếp tục đầu tư chiều sâu cho các cơ sở sản xuất kính hiện có, đầu tư mới một số sản phẩm chất lượng cao, giá trị kinh tế cao, đặc biệt sản phẩm kính phù hợp với kiến trúc xanh, tiết kiệm năng lượng như:

+ Kính hấp thụ nhiệt nhằm hạn chế năng lượng mặt trời đối với công trình;

+ Kính cách âm, cách nhiệt, kính chịu lửa;

- + Kính nghệ thuật (gạch mosaic thuỷ tinh), kính tự rửa;
- + Block thuỷ tinh nhằm lấy ánh sáng, cách âm, cách nhiệt.

PHỤ LỤC X: BÊ TÔNG
(Kèm theo Quyết định số: 5144/QĐ-UBND
ngày 23/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Mục tiêu cụ thể cho từng giai đoạn

✓ *Giai đoạn 2021 - 2030*

* *Về đầu tư:*

Bê tông thương phẩm:

- Tiếp tục đầu tư các trạm trộn bê tông thương phẩm để thay thế cho chế tạo bê tông thủ công, đơn giản, phân tán, không đảm bảo chất lượng và gây ô nhiễm môi trường.

- Khuyến khích các nhà máy bê tông thương phẩm đầu tư thêm các dây chuyền sản xuất cấu kiện bê tông các loại (bê tông nhẹ; bê tông cường độ cao, bê tông xuyên nước chống ngập úng, giảm tiếng ồn cho các đô thị,..)

- Căn cứ vào nhu cầu xây dựng và phát triển đô thị, có thể bố trí tạm trạm trộn bê tông phục vụ một số dự án đầu tư xây dựng trọng điểm của tỉnh khi có ý kiến tham vấn thống nhất của Cơ quan quản lý Nhà nước chuyên ngành và cơ quan quản lý Nhà nước tại địa phương, nhằm đảm bảo khoảng cách vận chuyển phù hợp bê tông thương phẩm đến công trình để có thể duy trì và đảm bảo chất lượng bê tông. Trạm trộn bố trí tạm phải tuân thủ việc bảo vệ môi trường, an toàn vệ sinh lao động và nghĩa vụ của doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng theo quy định.

Bê tông cấu kiện: Từ nay đến 2030, cần đẩy mạnh phát triển các nhà máy sản xuất cấu kiện bê tông cấu kiện, bê tông dự ứng lực nhằm phục vụ nhu cầu trong tỉnh và các địa phương trong vùng. Khuyến khích các đơn vị đầu tư tại các khu vực ven thành phố Quy Nhơn, các Khu đô thị, khu kinh tế mới trên địa bàn tỉnh.

* *Về công nghệ:*

- Hiện đại hóa công nghệ sản xuất, ưu tiên phát triển công nghệ theo hướng sản xuất xanh, sạch, tiết kiệm nguyên liệu và năng lượng, kết hợp với nâng cao chất lượng và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

- Loại bỏ các dây chuyền hiện có đang sử dụng công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường và giảm thiểu tối đa các loại bê tông trộn thủ công.

* *Về bảo vệ môi trường*

Các cơ sở sản xuất bê tông phải đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về bảo vệ môi trường, phải có trạm quan trắc bụi tự động và nước thải.

** Về chủng loại và chất lượng sản phẩm*

- Nghiên cứu, sản xuất đa dạng hóa các sản phẩm bê tông: Bê tông mác cao (mác 400, 600, 800), bê tông chất lượng siêu cao, bê tông đóng rắn nhanh cường độ cao, bê tông geopolimer, bê tông cốt sợi, bê tông tự lèn, các loại bê tông nhẹ, bê tông cách âm, cách nhiệt, bê tông chống cháy, bê tông dự ứng lực, cấu kiện bê tông, bê tông bán lắp ghép, bê tông thương phẩm ... đáp ứng tiêu chuẩn xây dựng các công trình cao tầng và các công trình xây dựng khác.

- Ứng dụng các loại phụ gia khoáng, phụ gia hóa học để tối ưu hóa chất lượng bê tông nhằm thích ứng với khí hậu và đạt độ bền lâu dài.

- Chất lượng các sản phẩm phải đáp ứng các yêu cầu của quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành đối với từng mục đích sử dụng, phục vụ nhu cầu xây dựng hoặc xuất khẩu.

✓ Định hướng đến năm 2050

- Nâng cao mức độ tự động hóa, hiện đại hóa, áp dụng tối đa công nghệ thông tin trong quản lý và sản xuất bê tông.

- Sử dụng các cốt liệu từ nguyên liệu tái chế, phế thải để thay thế nguyên liệu thiên nhiên; Phát triển các loại phụ gia khoáng và phụ gia hóa học để đưa vào làm thành phần bắt buộc trong sản xuất bê tông nhằm nâng cao chất lượng các sản phẩm bê tông.

- Tiếp tục đẩy mạnh phát triển các nhà máy sản xuất cấu kiện bê tông tiền chế, phát triển các cấu kiện bê tông tiền chế, lắp ghép theo mô-đun. Tiếp tục phát triển các trạm trộn bê tông thương phẩm. Giảm tỷ lệ bê tông trộn thủ công xuống dưới 25% tổng sản lượng bê tông.

PHỤ LỤC XI: VẬT LIỆU SAN LẤP
(Kèm theo Quyết định số: 5144/QĐ-UBND
ngày 23/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Mục tiêu cụ thể cho từng giai đoạn

✓ *Giai đoạn 2021 - 2030*

* *Về đầu tư:*

+ Đầu tư, khai thác vật liệu san lấp phải đảm bảo tính bền vững, góp phần phát triển kinh tế xã hội, trên cơ sở sử dụng hợp lý, hiệu quả nguồn tài nguyên khoáng sản, bảo vệ di tích lịch sử văn hóa và cảnh quan môi trường.

+ Khai thác vật liệu san lấp với mục đích phục vụ cho nhu cầu san lấp trên địa bàn tỉnh;

+ Bố trí nguồn tài chính hợp lý cho việc điều tra, khảo sát, thăm dò. Khuyến khích các doanh nghiệp liên doanh, liên kết huy động vốn điều tra thăm dò khoáng sản nói chung và vật liệu san lấp nói riêng dưới nhiều hình thức. Công bố rộng rãi danh mục tài nguyên các mỏ đã được dự kiến quy hoạch thăm dò để kêu gọi đầu tư;

* *Về công nghệ:*

+ Đối với khai thác tự nhiên: Khuyến khích đẩy mạnh hoạt động ứng dụng, chuyển giao công nghệ tiên tiến, hiện đại vào khai thác, chế biến đất làm vật liệu xây dựng thông thường, để nâng cao hiệu suất và chất lượng sản phẩm, tiêu tốn ít năng lượng và nguyên liệu hơn, hạn chế ô nhiễm môi trường; phế thải sinh ra trong quá trình xử lý phải được thu gom, tồn chứa đúng kỹ thuật hoặc tái sử dụng.

+ Đối với các loại phế thải: Nghiên cứu công nghệ thi công và tỷ lệ sử dụng phù hợp đối với từng chủng loại phế thải để đảm bảo tính khả thi và không gây ảnh hưởng đến môi trường trong quá trình thi công sử dụng.

* *Về khai thác và sử dụng tài nguyên:*

- Sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, nhiên liệu và năng lượng;

- Khuyến khích các đơn vị xây dựng trên địa bàn tỉnh nghiên cứu sử dụng đa dạng các loại vật liệu san lấp. Cụ thể:

+ Đất đồi san lấp tại các mỏ đã được Quy hoạch, thăm dò, đánh giá trữ lượng cấp phép làm vật liệu san lấp;

+ Các mỏ đất không nằm trong quy hoạch nhưng không đủ điều kiện làm nguyên liệu sản xuất xi măng (Hàm lượng Al_2O_3 trung bình khoảng $< 10-24\%$, Na_2O+K_2O trung bình khoảng $> 3\%$ không đủ tiêu chuẩn làm sét xi măng (tiêu chuẩn

so sánh theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 49:2012/BTNMT kèm theo Thông tư số 23/2012/TT-BTNMT ngày 28/12/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường); không đủ điều kiện làm nguyên liệu sản xuất sét gạch ngói theo TCVN 4353: 1986 về đất sét để sản xuất gạch ngói nung - yêu cầu kỹ thuật; không đủ điều kiện sản xuất gạch gốm ốp lát và sứ vệ sinh theo tiêu chuẩn TCVN 6300: 1997 nguyên liệu để sản xuất gốm xây dựng - đất sét - yêu cầu kỹ thuật.

+ Cát nhiễm mặn tại các mỏ đã được quy hoạch và các sản phẩm cát đen, bùn thải nạo vét từ các khu vực cửa biển, cửa sông, cầu cảng, các dự án cải tạo chống sạt lở trên địa bàn tỉnh.

+ Vật liệu san lấp từ các loại phế thải công nghiệp như: Các sản phẩm tro, xỉ của nhà máy nhiệt điện và nhà máy luyện thép; xà bần hay phế thải từ việc phá dỡ các công trình cũ.

** Về bảo vệ môi trường*

- Các cơ sở sản xuất cát xây dựng đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về bảo vệ môi trường; phải tiến hành cải tạo phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật trong khai thác, chế biến khoáng sản.

✓ Định hướng đến năm 2050

Sử dụng tối đa các loại phế thải công nghiệp, giao thông, xây dựng, sử dụng bùn thải, cát biển làm vật liệu san lấp.

PHỤ LỤC XII:
MỘT SỐ CHỦNG LOẠI VẬT LIỆU XÂY DỰNG KHÁC
(Kèm theo Quyết định số: 5144/QĐ-UBND
ngày 23/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Mục tiêu cụ thể cho từng giai đoạn

1. Vữa khô trộn sẵn

- Theo báo cáo chiến lược phát triển VLXD Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, định hướng đến năm 2050, tổng nhu cầu vữa xây dựng cả nước khoảng 20 - 23 triệu m³/năm trong giai đoạn từ nay đến năm 2030. Nhu cầu vữa xây dựng của Bình Định dự kiến khoảng 3,98 triệu m³ cho giai đoạn 2021 - 2025, và 5,29 triệu m³ cho giai đoạn 2026 - 2030.

Định hướng phát triển trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn từ nay đến năm 2030 như sau:

- *Về đầu tư:*

+ Khuyến khích kêu gọi đầu tư phát triển sản phẩm vữa khô trộn sẵn nhằm đáp ứng nhu cầu xây dựng trên địa bàn tỉnh và cung ứng cho thị trường xây dựng trong nước.

+ Khuyến khích các dự án đầu tư mới, đầu tư xây dựng tại các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh hoặc tại các nhà máy xi măng, trạm nghiền xi măng, với công nghệ sản xuất tiên tiến, hiện đại.

- *Về công nghệ:* Đầu tư sản xuất bằng công nghệ hiện đại với hệ thống đồng bộ từ các công đoạn: sấy, sàng tuyển, trộn, cân định lượng, đóng bao được xây dựng khép kín. Áp dụng công nghệ thông tin và sản xuất để nâng cao năng suất chất lượng của sản phẩm

- *Về chủng loại sản phẩm:* Sản xuất các loại vữa xây, trát, vữa dán gạch ...

- *Về môi trường:* Các nhà máy phải có hệ thống lọc bụi theo tiêu chuẩn nhằm hạn chế tối đa phát thải bụi ra môi trường xung quanh

2. Gạch terrazzo

Định hướng phát triển trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn từ nay đến năm 2030 như sau:

- *Về đầu tư:*

+ Khuyến khích kêu gọi đầu tư sản xuất gạch lát terrazzo nhằm đáp ứng nhu cầu xây dựng trên địa bàn tỉnh và cung ứng cho các tỉnh thành lân cận.

+ Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư mới, đầu tư xây dựng tại các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh nhằm xây dựng hệ thống cung ứng nguyên vật liệu phù hợp và đảm bảo các chỉ tiêu môi trường

+ Công suất mỗi cơ sở không nhỏ hơn 500.000 m²/năm.

- *Về công nghệ*: Đầu tư sản xuất bằng công nghệ hiện đại (hệ thống cấp liệu, trộn liệu tự động, hệ thống máy ép, máy mài, đánh bóng tiên tiến, hiện đại) đảm bảo chất lượng sản phẩm, điều kiện lao động và giảm thiểu tác động gây ô nhiễm môi trường;

- *Về môi trường*:

+ Xây dựng hệ thống xử lý nước thải, chất thải rắn đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.

3. Sản xuất đá mỹ nghệ các loại

- *Về đầu tư*: Xây dựng phương án nghiên cứu tận dụng đá thải tại các mỏ đá ốp lát để sản xuất đá chế; Chấm dứt hoàn toàn tình trạng chế biến đá chế manh mún đang diễn ra trên địa bàn tỉnh trong thời gian vừa qua.

- *Công nghệ khai thác đá chế*: Đá chế được khai thác, chế biến theo phương pháp thủ công sử dụng phương tiện chèo, đục và sức người là chính. Đá chế thường được sử dụng để xây móng nhà, tường rào, kênh mương nội đồng. Kích thước trung bình là 15x20x25(cm).

- *Môi trường chế biến*: Không để đá thải đổ bừa bãi làm mất đất nông nghiệp, lâm nghiệp

4. Tấm thạch cao

- *Về đầu tư*:

+ Kêu gọi đầu tư các dây chuyền sản xuất tấm tường và vách ngăn thạch cao chịu nước, cách âm, cách nhiệt trên, nhằm phục vụ cho nhu cầu tiêu thụ của tỉnh cũng như phục vụ cho thành các tỉnh thành lân cận trong khu vực và xuất khẩu.

- *Công nghệ sản xuất*: Đầu tư sản xuất bằng công nghệ hiện đại đảm bảo chất lượng sản phẩm, điều kiện lao động và giảm thiểu tác động gây ô nhiễm môi trường;

- *Về môi trường*

+ Nghiên cứu sử dụng thạch cao thu hồi từ các lò đốt than, dầu có chứa lưu huỳnh tại các nhà máy công nghiệp như: Nhiệt điện, hóa chất,...;

+ Đầu tư xử lý thạch cao phế thải của các ngành công nghiệp làm nguyên liệu cho sản xuất các sản phẩm VLXD, trong đó có tấm thạch cao.

- *Về chất lượng sản phẩm:*

* Đảm bảo các tiêu chuẩn hiện hành của Việt Nam;

* Phát triển các dạng sản phẩm mới như: Tấm thạch cao chống cháy.

5. Tấm panel - 3D

Giai đoạn từ nay đến năm 2030, kêu gọi đầu tư sản xuất tấm panel-3D trên địa bàn tỉnh để đáp ứng nhu cầu xây dựng trên địa bàn tỉnh cũng như cung ứng cho các tỉnh thành lân cận.

6. Một số loại vật liệu trang trí hoàn thiện:

Ngoài các loại vật liệu đã nêu trên, còn một số chủng loại vật liệu khác không thể thiếu được trong xây dựng như các loại sơn, bột màu, ma tít, vật liệu tiểu ngũ kim xây dựng ... Để đáp ứng nhu cầu các loại vật liệu này tại Phú Yên, sẽ được cung ứng từ các tỉnh, thành khác về để cung ứng theo nhu cầu trên địa bàn tỉnh.